

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 5 - 2024

V/v: Không công nhận là vợ chồng; tranh chấp
về việc nuôi con; chia tài sản chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tòng Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Lương Văn Sanh

2. ông Nguyễn Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên toà: ông Lý A Đà, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: ông Lý A Việt- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp con chung, chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Sùng Thị L, sinh năm 1990; Địa chỉ: bản N, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Thào A M, sinh năm 1991; Địa chỉ: bản N, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Giàng Thị S, Sinh năm 1963 (Mẹ đẻ Thào A M);

Địa chỉ: Bản N, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Sùng A L1, sinh năm 1968 (Bố đẻ của Sùng Thị L);

Địa chỉ: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2023 và tại phiên tòa chị Sùng Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến nay chưa đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán tại địa phương. Trong thời gian chung sống đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung và hay đánh chửi nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, hiện nay chị L và anh M đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung

+ Thào Thị V, sinh ngày 04/03/2008;

+ Thào Thị P, sinh ngày 17/03/2010;

+ Thào Tuấn A, sinh ngày 06/ 08/ 2015.

Hiện các cháu đang ở cùng bố tại bản Nả Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thào Thị P, sinh ngày 17/03/2010; anh M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thào Thị V, sinh ngày 04/03/2008 và cháu Thào Tuấn A, sinh ngày 06/08/2015. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Chị L trình bày số tài sản chung của vợ chồng gồm có:

+ Nhà ở: 01 bộ khung nhà gỗ 04 gian lập Prô xi măng có tổng diện tích là 79,8 m², chiều cao ván lĩa 2,1m. (giá trị thoả thuận là 75 triệu đồng); Có địa chỉ tại bản N, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái.

+ Đất ở: 01 mảnh đất nền nhà có diện tích là 79,8 m²; chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Có địa chỉ tại bản N, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái.

+ 01 ngôi nhà làm rặng có tổng diện tích là 17,4 m² lợp tôn, lĩa tôn sắt, chiều cao 3 m. Cùng toàn bộ khu nhà vệ sinh và chuồng trại; Có địa chỉ tại bản N, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Đất ruộng: 02 khu

Khu 1: 03 thửa ruộng, có diện tích khoảng 100 m² tại bản Nả Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Đất trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khu 2: 06 thửa ruộng, có diện tích khoảng 120 m² tại bản Mý Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Đất trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Đất nương: 01 mảnh nương ngô, có diện tích khoảng 150 m² bản Nả Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Đất trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30 H- 4166 mang tên đăng ký Thào A M, cũ đã qua sử dụng.

+ 03 chiếc xe máy (trong đó: 01 chiếc xe máy Honda WINER X, biển kiểm soát 19 C1- 33807 mang tên đăng ký Đình Văn Q; 01 Chiếc Honda RSX, biển kiểm soát 21 G -177.14, mang tên đăng ký Sùng Thị L; 01 Chiếc xe Win cũ không có biển số đã qua sử dụng).

+ 01 Bộ máy làm răng.

Nếu ly hôn chị L yêu cầu được sở hữu số tài sản sau:

+ Nhà ở: 01 bộ khung nhà gỗ 04 gian lập Prô xi măng có tổng diện tích là 79,8 m², lịa ván gỗ tạp chiều cao 2,1 m (giá trị thoả thuận là 75 triệu đồng); Có địa chỉ tại bản N, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái.

+ 01 Chiếc xe máy Honda RSX, biển kiểm soát 21 G -177.14, mang tên đăng ký Sùng Thị L.

Số tài sản còn lại thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Thào A M.

* *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/12/2023 và tại phiên toà bị đơn Thào A M trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Anh và chị Sùng Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, không đăng ký kết hôn, khi kết hôn chỉ tổ chức cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Trong thời gian chung sống đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung và hay đánh chửi nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Anh Thào A M nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị L.

- *Về con chung:* Có 03 con chung

1. Thào Thị V, sinh ngày 04/03/2008

2. Thào Thị P, sinh ngày 17/03/2010

3. Thào Tuấn A, sinh ngày 06/ 08/ 2015

Nếu ly hôn anh M yêu cầu nuôi dưỡng cả 03 cháu, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Tài sản chung:* Tại phiên toà anh Thào A M khai số tài sản chung giống như chị L trình bày ở trên. Tuy nhiên anh M không nhất trí chia bất cứ tài sản gì cho chị L.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/04/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Giàng Thị S trình bày: Trong thời gian chị L và anh M đang làm nhà năm 2015 có hỗ trợ là 28.000.000 đồng, nhưng không yêu cầu chị L và anh M trả lại số tiền trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2024 và tại phiên toà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Sùng A L1 trình bày: Trong quá trình thi công ngôi nhà ở

của chị L và anh M tôi là người trực tiếp xẻ gỗ, đục đẽo để làm nhà cho hai vợ chồng L, M và không nhận được tiền công; chị L có đưa cho tôi 10 triệu, tôi có lấy 03 triệu mua máy bắn đinh để làm nhà, còn lại tôi trả lại cho Sùng Thị L. Đề nghị Toà án giải quyết để chị Sùng Thị L được sở hữu, sử dụng 01 bộ khung nhà gỗ 04 gian lập Prô xi măng có tổng diện tích là 79,8 m², lịa ván gỗ tạp chiều cao 2,1 m.

Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 18 tháng 12 năm 2023 của các cháu Thào Thị V, Thào Thị P và Thào Tuấn A: Nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 01/3/2024 tại UBND xã P, huyện M thể hiện: Chị Sùng Thị L và anh Thào A M chung sống với nhau từ năm 2007 đến nay chưa đăng ký kết hôn; có 03 con chung đều đăng ký khai sinh theo đúng quy định, xét về điều kiện kinh tế thì anh M có điều kiện hơn.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/3/2024 tại bản Nả Háng Tâu, xã P, huyện M: Tài sản chung của anh M và chị L gồm:

+ Nhà ở: 01 bộ khung nhà gỗ 04 gian lập Prô xi măng có tổng diện tích là 79,8 m², chiều cao ván lịa 2,1m. (giá trị thoả thuận là 75 triệu đồng). Địa điểm tại bản Nả Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái.

+ Đất ở: 01 mảnh đất nền nhà có diện tích là 79,8 m²; chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Địa điểm tại bản Nả Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái.

+ 01 Ngôi nhà làm rặng có tổng diện tích là 17,4 m² lợp tôn, lịa tôn sát, chiều cao 3 m, cùng toàn bộ khu nhà vệ sinh và chuồng trại. Địa điểm tại bản Nả Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Đất ruộng: 02 khu

Khu 1: 03 thửa ruộng, có diện tích khoảng 100 m² tại bản Nả Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Đất trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khu 2: 06 thửa ruộng, có diện tích khoảng 120 m² tại bản Mý Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Đất trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Đất nương: 01 mảnh nương ngô, có diện tích khoảng 150 m² tại bản Nả Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Đất trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30 H- 4166 mang tên đăng ký Thào A M, cũ đã qua sử dụng.

+ 03 chiếc xe máy (trong đó: 01 chiếc xe máy HonDa WINER X, biển kiểm soát 19 C1- 33807 mang tên đăng ký Đình Văn Q; 01 Chiếc HonDa RSX, biển

kiểm soát 21 G -177.14, mang tên đăng ký Sùng Thị L; 01 Chiếc xe Win cũ không có biển số đã qua sử dụng).

+ 01 Bộ máy làm răng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải phát biểu ý kiến nhận định quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Sùng Thị L và anh Thào A M là vợ chồng; giao cháu Thào Thị P, sinh ngày 17/03/2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Thào Thị V, sinh ngày 04/03/2008 và cháu Thào Tuấn A, sinh ngày 06/8/2015 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung chấp nhận yêu cầu của chị Sùng Thị L được sở hữu 01 bộ khung nhà gỗ 04 gian lập Prô xi măng có tổng diện tích là 79,8 m², lịa ván gỗ tạp chiều cao 2,1 m. (giá trị thoả thuận là 75 triệu đồng) và 01 chiếc xe máy Honda RSX mang tên đăng ký Sùng Thị L; anh Thào A M được sở hữu, sử dụng số tài sản còn lại. Miễn án phí DSST cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Sùng Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn là anh Thào A M, trú tại bản Nả Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải theo quy định tại các Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Giàng Thị S vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian chung sống với nhau chị Sùng Thị L và anh Thào A M có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, vì vậy quan hệ hôn nhân của chị L và anh M là không hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình, không công nhận chị Sùng Thị L và anh Thào A M là vợ chồng.

[3] Về con chung: chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thào Thị P, sinh ngày 17/03/2010. Yêu cầu của chị L là đúng theo nguyện vọng của cháu P “Nếu bố mẹ ly hôn thì con xin được ở với mẹ” nên cần được chấp nhận.

Đối với anh M yêu trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên nguyện vọng của các con xin được ở với mẹ “Nếu

bố mẹ ly hôn thì con xin được ở với mẹ”. Do đó cần giao 02 cháu là Thào Thị V, sinh ngày 04/03/2008 và cháu Thào Tuấn A, sinh ngày 06/ 08/2015 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Xét về điều kiện nuôi dưỡng thì anh M có điều kiện hơn vì anh Thào A M có nghề nha khoa và được sở hữu, sử dụng phần lớn tài sản của gia đình.

[4] Về tài sản chung:

- Chị Sùng Thị L yêu cầu được sở hữu tài sản là:

+ Nhà ở: 01 bộ khung nhà gỗ 04 gian lập Prô xi măng có tổng diện tích là 79,8 m², lịa ván gỗ tạp chiều cao 2,1m (giá trị thoả thuận là 75 triệu đồng); Địa điểm tại bản Nả Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái.

+ 01 Chiếc Honda RSX, biển kiểm soát 21 G - 177.14, mang tên đăng ký Sùng Thị L.

Yêu cầu của chị Sùng Thị L là có căn cứ cần được chấp nhận.

- Anh M được sở hữu, sử dụng số tài sản còn lại là:

+ 01 Ngôi nhà làm răng có tổng diện tích là 17,4 m² lịa tôn sắt, lợp tôn, chiều cao 3 m, cùng toàn bộ khu nhà vệ sinh và chuồng trại; Địa điểm tại bản Nả Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Đất ở: 01 mảnh đất nền nhà có tổng diện tích là 79,8 m²; địa điểm tại bản N, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Đất ruộng: 02 khu

Khu 1: 03 thửa ruộng, có diện tích khoảng 100 m² tại bản Nả Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Đất trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khu 2: 06 thửa ruộng, có diện tích khoảng 120 m² tại bản Mý Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Đất trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Đất nương: 01 mảnh nương ngô, có diện tích khoảng 150m² tại bản Nả Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Đất trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ 01 Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30 H- 4166 mang tên đăng ký Thào A M, cũ đã qua sử dụng.

+ 01 Chiếc xe máy Honda WINER X, biển kiểm soát 19 C1- 33807 mang tên đăng ký Đình Văn Q.

+ 01 Chiếc xe Win cũ không có biển số, đã qua sử dụng.

+ 01 Bộ máy làm răng.

[5] Về quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 3 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Các đương sự là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 157, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; các 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 219 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Sùng Thị L và anh Thào A M là vợ chồng.

2. Về con chung: chị Sùng Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thào Thị P, sinh ngày 17/03/2010; anh Thào A M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thào Thị V, sinh ngày 04/03/2008 và cháu Thào Tuấn A, sinh ngày 06/8/2015; chị L và anh M không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Chị Sùng Thị L được sở hữu số tài sản sau:

+ 01 bộ khung nhà gỗ 04 gian lập Prô xi măng có tổng diện tích là 79,8 m², lịa ván gỗ tạp chiều cao 2,1m (giá trị thoả thuận là 75 triệu đồng); địa chỉ tại bản N, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái.

+ 01 Chiếc Honda RSX, biển kiểm soát 21 G - 177.14, mang tên đăng ký Sùng Thị L.

Anh M được sở hữu, sử dụng số tài sản sau:

+ 01 ngôi nhà làm răng có tổng diện tích là 17,4 m² ván lịa tôm sát, lợp tôn, chiều cao 3 m. Cùng toàn bộ khu nhà vệ sinh và chuồng trại; địa chỉ tại bản N, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Đất ở: 01 mảnh đất nền nhà có tổng diện tích là 79,8 m²; địa chỉ tại bản N, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Đất ruộng: 02 khu

Khu 1: 03 thửa ruộng, có diện tích khoảng 100 m² tại bản Nả Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Đất trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khu 2: 06 thửa ruộng, có diện tích khoảng 120 m² tại bản Mý Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Đất trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Đất nương: 01 mảnh nương ngô, có diện tích khoảng 150m² bản Nả Háng Tâu, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Đất trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ 01 Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30 H- 4166 mang tên đăng ký Thào A M, cũ đã qua sử dụng.

+ 01 Chiếc xe máy HonDa WINER X, biển kiểm soát 19 C1- 33807 mang tên đăng ký Đình Văn Q.

+ 01 Chiếc xe Win cũ không có biển số đã qua sử dụng.

+ 01 Bộ máy làm răng.

4. Về án phí: Các đương sự được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về nghĩa vụ phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn phải chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo giấy giao nhận tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đề ngày 21/02/2024; Số tiền trên đã được chi phí hết trong việc xem xét thẩm định tại chỗ.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yên cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Púng Luông;
- Lưu HS

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tòng Văn Q1